TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/01/2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **ông Nguyễn Đức Lập**

Các Hội thẩm nhân dân: **ông Trần Văn Huy**

ông Nguyễn Đức Thành

Thư ký ghi biên bản phiên toà: **ông Nguyễn Long Cường** - *Cán bộ TAND huyện T - Thành phố Hà Nội.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: **bà Đặng Thị Sơn Cầm** - *Kiểm sát viên*

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 480/2018/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2018, về việc "***Ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐST-XX ngày 10 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **chị Dương Thùy D** sinh năm 1989

Trú tại: thôn Huỳnh Cung, xã Tam Hiệp, huyện T, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: **anh Nguyễn Quốc K** sinh năm 1988

Trú tại: thôn Huỳnh Cung, xã Tam Hiệp, huyện T, thành phố Hà Nội.

Hiện nay đang chấp hành án tại Khu sản xuất số 1 - Trại giam Thanh Lâm - Bộ Công an. Địa chỉ: thị trấn Yên Cát, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN THẤY

Trong đơn ly hôn ngày 05/09/2018 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Dương Thùy D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quốc K kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND Tam Hiệp, huyện T, thành phố Hà Nội vào ngày 28/12/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ anh K đến khoảng đầu năm 2012 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và lối sống

không phù hợp. Anh K ham chơi bời, cờ bạc, nghiện ngập, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con. Gia đình và bản thân chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Khoảng tháng 05/2015, anh K có hành vi vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử phạt 07 (bảy) năm tù, chấp hành án tại Đội 1 - Trại giam Thanh Lâm - Bộ Công an (tại thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa). Vợ chồng cũng ly thân từ cuối năm 2012, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của ai nữa, do vậy trong thời gian anh K đi chấp hành án thì chị chưa một lần thăm gặp. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với anh K.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Toàn, sinh ngày 01/04/2010 và cháu Nguyễn Đức Trung, sinh ngày 27/02/2012. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Toàn và Trung, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay anh đang phải chấp hành án phạt tù.

- Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/12/2018, bị đơn là anh Nguyễn Quốc K trình bày:

Anh xác nhận quá trình tìm hiểu, kết hôn và chung sống giữa anh và chị Dương Thùy D là đúng như chị D trình bày. Anh K thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên thời điểm, mức độ và nguyên nhân không hoàn toàn đúng như vậy.

Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu năm 2013 với nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và lối sống không phù hợp. Anh K cũng xác nhận vợ chồng đã tìm mọi cách để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Đến nay, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị D.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung như chị D trình bày. Nếu ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi cả 02 người con trai.

- Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: anh K xác nhận không có, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Do đang chấp hành án phạt tù tại Đội 1 - Trại giam Thanh Lâm - Bộ Công an nên anh K không thể trực tiếp tham gia tố tụng tại Toà án được, anh có lời khai và đơn đề nghị Toà án giải quyết ly hôn vắng mặt anh. Ngoài ra anh K không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Do anh K vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: chị D vẫn giữ nguyên quan điểm, ý kiến như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng theo quy định từ Điều 198 đến Điều 233

của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành pháp luật đúng theo quy định tại Chương 6 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc Hội đồng xét xử ra bản án vắng mặt đối với bị đơn (do có đơn xin xét xử vắng mặt) là phù hợp quy định tại Điều 227 - Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, xử chị D được ly hôn anh K; giao 02 con chung của anh chị cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng vì thực tế hiện nay anh K đang chấp hành án phạt tù nên không có khả năng nuôi dưỡng các con; các đương sự không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nhà đất và công nợ chung nên không xét.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thùy D và anh Nguyễn Quốc K là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D và căn cứ theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn". Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện T, Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh K, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo anh chị trình bày thì vợ chồng thực sự có mâu thuẫn nhưng sự trình bày của anh chị khác nhau về thời điểm phát sinh, nguyên nhân, biểu hiện và mức độ của mâu thuẫn. Qua lời trình bày và quan điểm của anh chị cho thấy, hai bên không tìm được tiếng nói chung và trong cuộc sống thường xuyên xảy ra va chạm, có sự bất đồng về quan điểm sống. Trong suốt thời gian anh K phải chấp hành án tù tại Trại giam Thanh Lâm (ở huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa), chị D không hề thăm gặp, thể hiện chị không còn tình cảm vợ chồng với anh K. Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ quan điểm xin ly hôn. Anh K cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh chị thuận tình ly hôn và hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị D và anh K là phù hợp theo quy định tại Điều 51 và Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Toàn, sinh ngày 01/04/2010 và cháu Nguyễn Đức Trung, sinh ngày 27/02/2012; chị D và anh K cùng xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của cả hai anh chị là chính đáng, thể hiện trách nhiệm, tình cảm của cha mẹ đối với con chung. Tuy nhiên, anh K đang phải chấp hành án phạt tù

giam nên không thể trực tiếp nuôi con. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử giao chị D trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Toàn và Trung là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015. Anh K có nghĩa vụ, quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015. Chị D không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Giành quyền yêu cầu thay đổi nuôi con cho anh K khi anh K chấp hành án xong và có đủ điều kiện.

Về tài sản chung, nhà đất chung và công nợ chung: các bên xác nhận không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về sự vắng mặt của đương sự: anh Nguyễn Quốc K hiện đang chấp hành án tại Đội 1 - Trại giam Thanh Lâm - Bộ Công an, đồng thời có đơn đề nghị giải quyết ly hôn vắng mặt anh. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định, việc xét xử và ra bản án vắng mặt đối với anh K là phù hợp với quy định tại Điều 227 - Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về án phí: chị D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về "mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" và khoản 4 Điều 147 - Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 điều 28, điều 35, 39, 147, 271 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các điều 51, 55, 58, 81, 82 và 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về "mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của chị Dương Thùy D đối với anh Nguyễn Quốc K. Chị Dương Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Quốc K.

2. Về con chung: xác nhận chị D và anh K có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Toàn, sinh ngày 01/04/2010 và cháu Nguyễn Đức Trung, sinh ngày 27/02/2012. Giao cả hai con chung của anh chị là cháu Toàn và cháu Trung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng,

giáo dục. Anh K có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Giành quyền xin thay đổi nuôi con cho anh K khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nhà đất chung và công nợ chung: chị D và anh K cùng xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: chị Dương Thùy D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số AA/2016/08353 ngày 23/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị D đã nộp đủ án phí LHST.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về kháng cáo: Chị D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh K có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Lập

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THADS huyện T;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Tam Hiệp;*
- *Lưu HS;*